

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 54/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: chị Tôn Nữ Nguyệt N, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: số A B, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Bị đơn*: anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tôn Nữ Nguyệt N và anh Nguyễn Văn P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Tôn Nữ Nguyệt N và anh Nguyễn Văn P thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Văn Trung H, sinh ngày 06/9/2020 cho chị Tôn Nữ Nguyệt N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng, thời điểm bắt đầu cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi cháu H thành niên và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: chị Tôn Nữ Nguyệt N thuận chịu 150.000 đồng án phí ly

hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chi N đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/2023/0000115 ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị (chi N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, mà bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ chậm trả tiền, thì phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Trị
- VKSND huyện Cam Lộ;
- UBND xã Cam Thành (nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện Cam Lộ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Vũ Ngọc Châu